

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Toàn bộ các hàng hóa do nhà thầu đề xuất đều có đầy đủ thông tin, tài liệu chứng minh theo yêu cầu và có thông số kỹ thuật hoàn toàn đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương V của HSMT.	Có tối thiểu 01 loại hàng hóa do nhà thầu đề xuất không có đầy đủ thông tin, tài liệu chứng minh theo yêu cầu hoặc có thông số kỹ thuật không đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương V của HSMT.
2	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp cho từng loại hàng hóa	<ul style="list-style-type: none">- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp cho từng loại hàng hóa được nhà thầu thuyết minh rõ ràng và đầy đủ các bước triển khai thực hiện chi tiết từ khi ký hợp đồng đến khi bàn giao nghiệm thu.- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp cho từng loại hàng hóa được nhà thầu đề xuất hợp lý, khả thi và phù hợp.	Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ hoặc có tối thiểu 01 loại hàng hóa đề xuất không đảm bảo theo các yêu cầu cho Mức độ đáp ứng “Đạt” ở cột bên.
3	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành	<p>Đáp ứng toàn bộ các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đề xuất Thời gian bảo hành của nhà thầu đối với từng loại hàng hóa ≥ 01 vụ sản xuất;- E-HSDT đề xuất đầy đủ và hợp lý khả thi cho toàn bộ các nội dung sau:<ul style="list-style-type: none">+ Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành;+ Phương án bảo hành khi nhận được thông tin hàng hóa có sự cố	<p>Thuộc 1 trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đề xuất Thời gian bảo hành của nhà thầu đối với từng loại hàng hóa < 01 vụ sản xuất;;- E-HSDT đề xuất không đầy đủ đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý khả thi của 1 trong các nội dung sau:<ul style="list-style-type: none">+ Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành;

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
		trong thời gian bảo hành từ chủ đầu tư.	+ Phương án bảo hành khi nhận được thông tin hàng hóa có sự cố trong thời gian bảo hành từ chủ đầu tư.
4	Tiến độ cung cấp hàng hóa	Đề xuất tiến độ cung cấp hàng hóa từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết và có tính đến điều kiện thời tiết. Có bảng tiến độ cung cấp hợp lý, khả thi và phù hợp giải pháp thực hiện đã đề xuất	Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đảm bảo theo yêu cầu cho Mức độ đáp ứng “Đạt” ở cột bên hoặc biểu đồ có nội dung không phù hợp.
5	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Nhà thầu phải cung cấp thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng về cung cấp hàng hóa tương tự với gói thầu, bao gồm các thông tin quy định tại Khoản 1, điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến nay.	E-HSDT có kê khai đầy đủ thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng theo yêu cầu, có đính kèm văn bản cam kết của Nhà thầu (Yêu cầu văn bản được lập riêng và có chữ ký và đóng dấu pháp nhân của nhà thầu)	E-HSDT không kê khai đầy đủ thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng theo yêu cầu hoặc E-HSDT không có đính kèm văn bản cam kết của Nhà thầu (yêu cầu văn bản được lập riêng và có chữ ký và đóng dấu pháp nhân của nhà thầu).
7	Vi phạm của nhà thầu về gian lận (cung cấp thông tin, kê khai không trung thực...) trong đấu thầu, dẫn đến bị xử phạt, bị cấm tham gia đấu thầu theo Điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ở bất kỳ địa phương nào trên toàn quốc. Trường hợp nhà thầu không vi phạm, không bị cấm thì nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản không vi phạm, không bị cấm, trường hợp cam kết không trung	Không vi phạm, không bị cấm, có văn bản cam kết (Yêu cầu văn bản được lập riêng và có chữ ký và đóng dấu pháp nhân của nhà thầu)	Vi phạm, bị cấm hoặc không có văn bản cam kết (Yêu cầu văn bản được lập riêng và có chữ ký và đóng dấu pháp nhân của nhà thầu)

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	thực sẽ bị đánh giá là gian lận (trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu này)		

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSĐT sẽ được đánh giá như sau: ____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)	Webform	X	
2	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá)		X	
3	Mẫu số 01C. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng hỗn hợp)		X	
4	Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan		X	
5	Mẫu số 01E. Vật tư, phụ tùng thay thế		X	
6	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
7	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
8	Mẫu số 02C. Văn bản thỏa thuận (áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
9	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
10	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
11	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
12	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Webform		X
13	Mẫu số 05B. Kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
14	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
15	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
16	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
17	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
18	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
19	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
20	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
21	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X
22	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu		X	